TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2024/DS-ST.
Ngày: 04-12-2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hồng Lợi.
Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 292A/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tống Thị N, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Đỗ Thị Thu N1, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Thị B, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N và bà B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tống Thị N là chị Đỗ Thị Thu N1 trình bày:

Bà N và bà B là hàng xóm, có quen biết nhau.

Bà N làm đầu thảo hụi, có tổ chức góp hụi, bà B là hụi viên có tham gia nhiều dây hụi do bà N làm chủ hụi và bà B có mượn tiền của Bà N. Đến tháng 01/2024, giữa bà N và bà B có thống nhất tính tiền nợ bà Trần Thị B nợ bà N tổng số tiền là 445.150.000 đồng, trong đó tiền hụi bà B còn phải đóng lại cho bà N là 396.150.000

đồng và tiền nợ 02 dây hụi mà bà B đã mượn hốt với số tiền 49.000.000 đồng. Bà B có viết và ký tên với nội dung "Trần Thị B có mượn của bà Tống Thị N số tiền nói trên 445.150.000 đồng".

Ngoài ra, vào tháng 5/2023, bà Trần Thị B có mượn của bà N 20.000.000 đồng để giải quyết công việc và hẹn đến tháng 9/2023 sẽ trả lại, số tiền này bà B không có viết biên nhận cho bà N.

Tổng số tiền bà B còn nợ bà N là 465.150.000 đồng, bà N đã nhiều lần yêu cầu bà B trả cho bà N số tiền này nhưng bà B chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Số tiền 49.000.000 đồng hụi bà B không thừa nhận bà N xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 49.000.000 đồng.

Nay bà N yêu cầu bà Trần Thị B trả cho bà N số tiền 416.150.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà có chơi hụi của bà N từ nhiều năm và đến tháng 02/2024 bà có xác nhận nợ bà N số tiền hụi 396.150.000 đồng, ngoài ra bà có vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng, hàng tháng đóng lãi 1.000.000 đồng trong 01 năm cho đến tháng 01/2024 âm lịch thì không có tiền đóng nữa và tháng 02/2024 âm lịch xác nhận với bà N tổng nợ hụi và nợ tiền vay là 416.150.000 đồng.

Còn số tiền hụi mượn 49.000.000 đồng là bà không đồng ý, bà có nhờ bà N mượn hụi của người khác để hốt cho bà số tiền 27.500.000 đồng cách đây 02 năm, sau đó bà tham gia hụi mới bà N hốt hụi phần hụi của bà để trả tiền hụi mượn, bà đã cung cấp cho Tòa án.

Hiện tại bà chỉ nợ bà N số tiền 416.150.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà N số tiền 416.150.000 đồng, mỗi tháng bà trả cho bà N 700.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Tống Thị N khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị B trả số tiền hụi và tiền vay là 416.150.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tống Thị N là chị Đỗ Thị Thu N1 vẫn giữ ý kiến rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 49.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà N và bà B thống nhất việc bà B có tham gia chơi các dây hụi do bà N làm chủ hụi, bà B đã hốt các phần hụi và đến đầu năm 2024 bà N và bà B có xác nhận nợ bà B còn nợ bà N số tiền hụi chết là 396.150.000 đồng và tiền vay 20.000.000 đồng mà bà B vay của bà N vài năm 2023, tổng cộng bà B còn nợ bà N số tiền là 416.150.000 đồng. Bà N khởi kiện yêu cầu bà B trả cho bà N số tiền 416.150.000 đồng, tại phiên tòa bà B đồng ý trả cho bà N số tiền 416.150.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà N và bà B.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu bà B trả tiền lãi.

[3.3] Về thời gian trả tiền: Xét yêu cầu bà B xin được trả dần mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi hết số tiền 416.150.000 đồng, không được người đại diện theo ủy quyền của bà N đồng ý, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của bà N làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 416.150.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được Tòa án chấp nhận nên bà B phải chịu án phí theo quy định, nhưng bà B là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/20219 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị N đối với số tiền 49.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị N.

Buộc bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Tống Thị N số tiền 416.150.000 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Tống Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị B không trả số tiền trên thì hàng tháng bà B phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Báo bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân